

UBND TỈNH GIA LAI
VĂN PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1003 /VP-CN XD

Gia Lai, ngày 13 tháng 4 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định
về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công
nghiệp và tiền chất thuốc nổ

Kính gửi: Sở Công Thương

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được văn bản số 2794/BCT-VP ngày 10/4/2018 của Bộ Công Thương về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ. Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ theo đề nghị của Bộ Công Thương tại văn bản trên. Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp ý kiến tham gia góp ý gửi về Bộ Công Thương theo đúng thời gian quy định.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo Sở Công Thương và các cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận :

- Như trên (sao gửi kèm VB và dự thảo TT);
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở: KHĐT, GTVT, NNPTNT, TNMT, CT;
- Đ/c CVP và các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, CNXD.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Huỳnh Kim Đồng

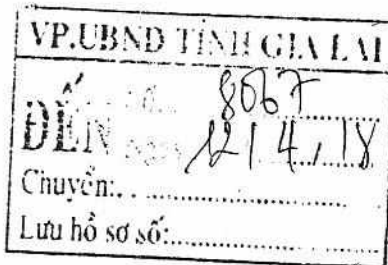
BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **2794** /BCT-VP

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

V/v đề nghị góp ý kiến cho dự thảo
Thông tư quy định về quản lý, sử
dụng VLNCN, TCTN

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ: Tư pháp; Công an; Quốc phòng; Giao thông vận tải; Xây dựng; Lao động - Thương binh và Xã hội; Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.



Thực hiện Quyết định số 1356/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Quyết định số 1357/QĐ-TTg ngày 3 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ (sau đây gọi là dự thảo Thông tư). Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương xin gửi và đề nghị Quý cơ quan góp ý dự thảo Thông tư (*gửi kèm theo công văn này*).

Ý kiến góp ý đề nghị gửi về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại: 024.22218312; Fax: 024.22218321; Email: Khoadd@moit.gov.vn) trước ngày 29 tháng 4 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, ATMT.

**Trần Hữu Linh**

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam; danh mục tiền chất thuốc nổ; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại Việt Nam.

Chương II

CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 3. Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ bao gồm:

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ.
3. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
4. Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ.
5. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.
6. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ.
7. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
8. Giấy phép dịch vụ nổ mìn.

Điều 4. Thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi:

- a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ;
- c) Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;
- d) Giấy phép dịch vụ nổ mìn;

đ) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức là doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc các Bộ, ngành làm đại diện chủ sở hữu vốn, các doanh nghiệp hoạt động dầu khí, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và các tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Cục Hóa chất, Bộ Công Thương cấp, cấp đổi, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi:

- a) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp;
- b) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;
- c) Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ.

3. Sở Công Thương cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Mẫu giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO, SẢN XUẤT, KINH DOANH, VẬN CHUYỂN, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Tổ chức nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải:

a) Tuân thủ đầy đủ quy định tại giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thành lập bộ phận quản lý và kiểm tra an toàn theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động. Bộ phận này do lãnh đạo trực tiếp điều hành, chỉ đạo và phân công người đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác kỹ thuật an toàn tại mỗi bộ phận, vị trí có nguy cơ cao về sự cố, an toàn, tai nạn cháy, nổ;

c) Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, xây dựng phương án nổ mìn (đối với tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp), kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại Điều 6, 7, 8 của Thông tư này;

d) Ban hành và niêm yết nội quy, quy định, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường; có biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

đ) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại vật liệu nổ công nghiệp sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn 10 năm kể từ ngày thực hiện sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định tại Điều 9, 10 của Thông tư này;

g) Tổ chức có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ít nhất 10 ngày trước khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Văn bản thông báo thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng tiền chất thuốc nổ phải:

a) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại tiền chất thuốc nổ sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thực hiện sản xuất mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy;

b) Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định tại Điều 9, 10 của Thông tư này.

Điều 6. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn

1. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn trong mọi hoạt động và được lãnh đạo của tổ chức phê duyệt. Nội dung Báo cáo đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn, tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải rà soát, cập nhật để đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn.

Điều 7. Phương án nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Phương án nổ mìn và được lãnh đạo của tổ chức phê duyệt. Nội dung của Phương án nổ mìn theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Căn cứ nội dung của Phương án nổ mìn, tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Hộ chiếu nổ mìn. Mẫu hộ chiếu nổ mìn theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

1. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và được lãnh đạo của tổ chức phê duyệt. Nội dung của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kết quả của việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn được sử dụng làm dữ liệu đầu vào để xây dựng và tổ chức công tác ứng cứu khẩn cấp.

3. Việc luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp phải được tiến hành thường xuyên. Kết quả luyện tập, diễn tập phải được đánh giá và ghi chép để hoàn thiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

4. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp, tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện rà soát, cập nhật, phê duyệt Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp để phù hợp với thực tiễn.

Điều 9. Báo cáo định kỳ trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Báo cáo định kỳ trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm báo cáo định kỳ sáu tháng, hàng năm theo quy định tại điểm b, c khoản này. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu 1, 2 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm;

c) Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm;

d) Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm về tình hình quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo định kỳ trong hoạt động tiền chất thuốc nổ

a) Tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ có trách nhiệm báo cáo định kỳ sáu tháng, hàng năm theo quy định tại điểm b, c khoản này. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu 1, 2 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm;

c) Tổ chức sử dụng tiền chất thuốc nổ có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm;

d) Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo

nắm về tình hình quản lý, kinh doanh cung ứng và sử dụng tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu 3 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Báo cáo đột xuất trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ có trách nhiệm báo cáo đột xuất với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo cơ quan Công an địa phương và Sở Công Thương nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện: Xảy ra xâm nhập trái phép khu vực chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, mất cắp, thất thoát không rõ lý do hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Báo cáo Sở Công Thương nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong vòng 48 giờ khi chấm dứt hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công Thương trong vòng 24 giờ khi trên địa bàn quản lý xảy ra xâm nhập trái phép khu vực chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, mất cắp, thất thoát không rõ lý do hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Nội dung báo cáo đột xuất theo mẫu 4, 5 quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 11. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam

1. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu sản phẩm mới chưa có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam phải có văn bản đề nghị Bộ Công Thương công nhận kết quả đăng ký và đưa vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam. Mẫu văn bản đề nghị quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc ghi nhãn vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. Ngoài tên sản phẩm theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, tổ chức sản xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp có thể ghi thêm tên thương mại của sản phẩm.

Điều 12. Danh mục tiền chất thuốc nổ

Danh mục tiền chất thuốc nổ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, CẬP NHẬT, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 13. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được xây dựng, quản lý tại Bộ Công Thương theo nguyên tắc tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm cụ thể của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời.

3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và lưu trữ lâu dài, đúng mục đích, tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu.

4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 14. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu

1. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật; tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

2. Thiết kế cấu trúc Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.

3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bao gồm:

- a) Hệ thống số hóa và tạo dựng nội dung số;
- b) Hệ thống máy chủ (dịch vụ, quản trị);
- c) Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu;
- d) Hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;
- đ) Hệ thống trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác và cập nhật thông tin;
- e) Hệ thống cơ sở phần mềm hạ tầng.

Điều 15. Quản lý Cơ sở dữ liệu

1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin của bộ, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Các đơn vị được giao xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần có trách nhiệm: Kiểm tra, xác thực nội dung thông tin do các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân khác cung cấp trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; thực hiện việc cập nhật thông tin do mình quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Điều 16. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Các tổ chức được quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Thông tư này được quyền khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo phân cấp.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền tiếp cận và sử dụng miễn phí trên Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ những thông tin sau:

- a) Văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ;
- b) Sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ do các tổ chức sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam, Danh mục tiền chất thuốc nổ;
- c) Số liệu thống kê tổng hợp về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

d) Thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Các tổ chức tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu được truy cập và khai thác Cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp đóng góp để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu của bộ, ngành và địa phương.

Điều 17. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu

Cơ quan quản lý và các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ có trách nhiệm bố trí nhân lực, cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí thường xuyên cho việc duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu.

Điều 18. Vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu

Hoạt động vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bao gồm các nội dung:

1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vật lý và môi trường tại trung tâm dữ liệu điện tử.

2. Thực hiện các biện pháp sao lưu để bảo đảm khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố. Dữ liệu sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử hệ thống từ dữ liệu sao lưu để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

3. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày.

4. Thực hiện hoạt động giám sát để cảnh báo các hành vi gây mất an toàn cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

5. Thực hiện định kỳ rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 19. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu

1. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước hoặc huy động từ các nguồn kinh phí khác.

2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bao gồm:

- a) Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- b) Bảo đảm vận hành hệ thống mạng thông tin nghiên cứu và đào tạo phục vụ Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- c) Thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp thông tin vào Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

- a) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, quy định kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- b) Tổ chức hướng dẫn các quy định pháp luật trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp theo quy định pháp luật;
- d) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, điều kiện để cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh hoặc thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;
- đ) Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng của tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, giấy phép trừ các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;
- e) Định kỳ tổng kết công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công. Đề xuất các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn trình Bộ trưởng chỉ đạo thực hiện;
- g) Chủ trì, phối hợp với Cục Hóa chất, Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp về tình hình quản lý, sản xuất, kinh doanh, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trình Bộ trưởng báo cáo Chính phủ theo quy định;

h) Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

i) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

k) Phối hợp Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Cục Hóa chất

a) Xây dựng và chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định pháp luật;

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, điều kiện đề cấp, cấp lại, cấp đổi, cấp điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này;

c) Chủ trì, phối hợp Vụ Khoa học và công nghệ, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy chuẩn, quy định kỹ thuật về tiền chất thuốc nổ;

d) Phối hợp Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp xây dựng, trình Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung Danh mục tiền chất thuốc nổ;

đ) Định kỳ tổng kết công tác quản lý và báo cáo về công tác xuất khẩu, nhập khẩu và đầu tư, phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định;

e) Phối hợp Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; tổ chức quản lý công tác nghiên cứu, chế thử và thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Tiếp nhận, thẩm định, trình Bộ trưởng quyết định công nhận kết quả đăng ký của tổ chức sản xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp để đưa vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tiếp nhận, thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức khoa học và công nghệ hoặc tổ chức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thực hiện;

d) Phối hợp Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp xây dựng, trình Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam;

đ) Quản lý chất lượng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

a) Chủ trì xây dựng, cập nhật, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Hóa chất xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương thực hiện:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn phù hợp với tình hình của địa phương theo quy định pháp luật;

b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về quản lý tiền chất thuốc nổ, sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo các quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, điều kiện để cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn cho các tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này.

3. Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng của tổ chức thuộc thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này; kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ cho các đối tượng hoạt động tiền chất thuốc nổ trên địa bàn trừ các đối tượng của tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Lập báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, kinh doanh và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Công

Thương qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm.

5. Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam; Thông tư số 61/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện và quy định cụ thể một số điều của Nghị định số 76/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3. Trong quá trình thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Vật liệu nổ công nghiệp thuộc Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương được phép sử dụng nhãn hàng hóa đã ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan, doanh nghiệp thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I
DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT,
KINH DOANH, SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
I	Thuốc nổ công nghiệp	
1	Thuốc nổ Amonit ADI	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Độ ẩm, % - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT), % - Độ nén trụ chì, mm - Khoảng cách truyền nổ, cm - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo quản, tháng	0,95 ÷ 1,05 ≤ 0,5 3.600 ÷ 4.200 120 ÷ 130 14 ÷ 16 ≥ 4 Kíp nổ số 8 06
2	Thuốc nổ TNP-I	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT), % - Độ nén trụ chì, mm - Khoảng cách truyền nổ, cm - Phương tiện kích nổ - Thời hạn sử dụng, tháng	1,15±0,05 4.200±200 110 ÷ 115 12,5 6 Theo HDSD 06
3	Thuốc nổ Anfo	
	- Khối lượng riêng rời, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml - Sức nén trụ chì, mm - Thời hạn bảo đảm, ngày	0,8÷0,95 3.000÷4.500 300÷330 ≥15 (đo trong ống thép) 90
4	Thuốc nổ ABS-15	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khoảng cách truyền nổ, cm - Độ nén trụ chì, mm - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo quản, tháng	0,95 ÷ 1,05 3.200 ÷ 3.500 3 ÷ 6 15 ÷ 17 320÷350 Kíp nổ số 8 06

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Sử dụng	Mô lộ thiên
5	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ trong lỗ khoan, m/s - Thời gian chịu nước (sâu ≥ 1 mét nước), giờ - Cường độ nổ so với thuốc nổ ANFO, % - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo đảm (bảo quản trong bao PP+PE), ngày	1,10 ÷ 1,25 ≥ 4.000 ≥ 4 ≥ 90 Mỗi nổ 90
6	Thuốc nổ nhũ tương rời	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ trong lỗ khoan, m/s - Cường độ nổ so với thuốc nổ ANFO, % + Theo khối lượng + Theo thể tích - Thời hạn bảo đảm trong lỗ khoan - Phương tiện kích nổ	1,08 ÷ 1,20 ≥ 4.000 90 ÷ 100 120 ÷ 135 15 ngày Mỗi nổ
7	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí bụi nổ	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml; - Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT), % - Độ nén trụ chì, mm - Khoảng cách truyền nổ, cm - Nổ an toàn trong môi trường có khí mê tan (Phương pháp A- TCVN 6570: 2005) - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo đảm, tháng - Lượng khí độc sinh ra khi nổ (quy ra CO), lit/kg	1,05 ÷ 1,20 ≥ 3.500 ≥ 240 95 ÷ 105 ≥ 14 ≥ 4 10 lần nổ không gây cháy nổ khí mê tan Kíp nổ số 8 06 ≤ 50
8	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml; - Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT), % - Độ nén trụ chì, mm - Khoảng cách truyền nổ, cm	1,05 ÷ 1,20 ≥ 4.000 300 ÷ 340 105 ÷ 120 ≥ 14 ≥ 4

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Thời gian chịu nước, giờ - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo đảm, tháng	≥ 12 Kíp nổ số 8 06
9	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên	
	- Khối lượng riêng, g/cm³ - Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT), % - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml - Độ nén trụ chì, mm - Khoảng cách truyền nổ, cm - Phương tiện kích nổ - Thời hạn bảo đảm, tháng - Thời gian chịu nước, giờ	$1,05 \div 1,25$ ≥ 4.000 $105 \div 120$ $300 \div 340$ ≥ 14 ≥ 4 Kíp nổ số 8 6 ≥ 12
10	Mìn phá đá quá cỡ	
	- Tốc độ nổ, m/s - Khả năng sinh công bằng bom chì, ml - Độ nén trụ chì, mm - Phương tiện kích nổ - Thời hạn sử dụng, tháng	$3.600 \div 3.900$ $350 \div 360$ $13 \div 15$ theo HDSD 24
II	Phụ kiện nổ công nghiệp	
1	Kíp nổ đốt số 8	
	- Cường độ nổ - Đường kính ngoài, mm - Chiều dài kíp, mm - Thời hạn bảo đảm, tháng	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp $6,8 \div 7,1$ $38 \div 40$ 24
2	Kíp nổ điện số 8	
	- Cường độ nổ - Đường kính ngoài, mm - Chiều dài kíp, mm - Dòng điện bảo đảm nổ, A - Dòng điện an toàn trong 5 phút, A - Điện trở (loại dây dẫn 1,9m-2,1m), Ω - Thời hạn bảo đảm, tháng - Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp $6,8 \div 7,1$ $46 \div 48$ 1 0.05 $2,0 \div 4,0$ 24

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	chuyên dụng	Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu
3	Kíp nổ điện vi sai	
	- Cường độ nổ - Đường kính ngoài, mm - Chiều dài kíp, mm + Từ số 1÷ số 8 + Số 9, 10, 11, 13, 14, 15, 18, 19, 20 + Số 12, 16, 17 - Chiều dài dây dẫn - Điện trở (loại dây dẫn 1,9m-2,1m), Ω - Dòng điện bảo đảm nổ, A - Dòng điện an toàn trong 5 phút, A - Số vi sai - Thời gian giữ chậm, ms - Thời hạn bảo đảm, tháng - Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động chuyên dụng	Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 7,0 ÷ 7,3 62 ± 1 65 ± 1 70 ± 1 1,9m-2,1m hoặc theo đặt hàng 2 ÷ 3,2 1,2 0,18 20 số 25, 50, 75, 100, 125, 150, 200, 250, 325, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1125, 1250, 1400, 1550 24 Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu
4	Kíp nổ điện vi sai an toàn	
	- Cường độ nổ - Đường kính ngoài, mm - Chiều dài kíp, mm - Chiều dài dây dẫn - Điện trở (loại dây dẫn 1,9m-2,1m), Ω - Dòng điện bảo đảm nổ, A - Dòng điện an toàn trong 5 phút, A - Số vi sai - Khả năng an toàn trong môi trường khí mê tan	Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 7,0 ÷ 7,3 57 ÷ 59 1,9m-2,1m hoặc theo đặt hàng 2 ÷ 3,2 0,18 1.2 6 số 50 kíp

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	(không gây cháy, nổ khí mê tan) - Thời gian giữ chậm, ms - Thời hạn bảo đảm, tháng - Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động chuyên dụng	25, 50, 75, 100, 125, 150 24 Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu
5	Kíp nổ vi sai an toàn Carrick-8 - Cường độ nổ - Số vi sai - Độ bền kéo, N - Thời hạn sử dụng, tháng	Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 15 số 600 48
6	Kíp nổ vi sai phi điện - Cường độ nổ - Đường kính ngoài dây dẫn nổ, mm - Tốc độ dẫn nổ, m/s - Độ bền mối ghép miệng (chịu lực kéo tĩnh trong thời gian 01 phút, dây dẫn tín hiệu không được tụt khỏi nút cao su hoặc xô dịch mắt thường nhìn thấy), N - Số vi sai - Thời gian giữ chậm (từ số 1 đến số 30), ms	Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 3 ≥ 1650 20 30 số (Từ số 1 ÷ 30 và 5 số đặc biệt) 25, 50, 75, 100, 125, 150, 175, 200, 250, 300, 350, 400, 450, 500, 600, 700, 800, 900, 1025, 1125, 1225, 1440, 1675, 1950, 2275, 2650, 3050, 3450, 3900, 4350 17, 25, 42, 100, 400
7	Kíp nổ vi sai phi điện an toàn sử dụng trong mỏ hầm lò có khí Mêtan	
8	Dây dẫn tín hiệu nổ Dây tín hiệu sơ cấp (LIL)	TCVN 6632:2000

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
9	Dây cháy chậm công nghiệp	
	- Tốc độ cháy, giây/mét	100÷125
	- Đường kính ngoài của dây, mm	5,3 ±0,3
	- Đường kính lõi thuốc, mm	≥2,5
	- Thời gian chịu nước, giờ	2
10	Dây nổ chịu nước 5, 10, 12g/m	
	- Đường kính ngoài, mm	Loại 5g/m: 4,0 Loại 10g/m: 4,8 Loại 12 g/m: 5,8
	- Tốc độ nổ, m/s	≥ 6.500
	- Độ bền kéo, N	500
	- Thời gian chịu nước, giờ	24 giờ ở độ sâu 1m
	- Mật độ thuốc, g/m	Loại 5g/m: 5±1 Loại 10g/m: 10±1 Loại 12g/m: 12±1
	- Khả năng tác động của nhiệt độ, giờ	
	+ Tại nhiệt độ 35 ⁰ C ± 3 ⁰ C	2
	+ Tại nhiệt độ 50 ⁰ C ± 3 ⁰ C	6
	- Thời hạn sử dụng, tháng	48
11	Dây nổ thường	
	- Đường kính ngoài, mm	4,8 ÷ 6,2
	- Tốc độ nổ, m/giây	6.500 ÷ 7.000
	- Độ bền kéo, N	500
	- Khả năng chịu nước, giờ	24
	- Mật độ thuốc, g/m	10
12	Mỏ nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	
	- Khối lượng riêng, g/cm ³	1.59 ÷ 1,70
	- Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	350÷390
	- Tốc độ nổ, m/s	7.200÷7.800
	- Độ nén trụ chì, mm	22÷24
	- Phương tiện kích nổ	Kíp số 8
	- Thời hạn bảo hành, tháng	60
13	Kíp nổ chậm trên dây chính - primadet TLD	
	- Cường độ nổ	Số 8
	- Thời gian nổ chậm, ms	5, 9, 17, 42, 100
	- Độ bền kéo, N	130
	- Thời hạn sử dụng, tháng	48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói
14	Kíp nổ hàn lò EXEL	
	- Đường kính, mm	3

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Độ bền kéo, N - Độ dài tiêu chuẩn, m - Phương tiện kích nổ - Số vi sai - Thời hạn sử dụng, tháng	450 3,6; 4,9; 6,1 Kíp số 8, dây nổ 36 48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói
15	Kíp nổ chậm EXEL-LP	
	- Đường kính, mm - Độ bền kéo, N - Độ dài tiêu chuẩn, m - Phương tiện kích nổ - Số nổ chậm - Thời hạn sử dụng, tháng	3 450 3,6; 4,9; 6,1 Kíp số 8, dây nổ 1 ÷ 15 48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói
16	Bộ liên kết Primadet MS	
	- Độ bền kéo, N - Số nổ chậm - Thời hạn sử dụng, tháng	130 7 48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói
17	Hạt nổ khởi động không điện	
	- Cường độ nổ - Thời hạn sử dụng, tháng	Xuyên thùng tấm chì dày ? mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 24
18	Kíp nổ chậm trên dây chính - primadet TLD	
	- Cường độ nổ - Thời gian nổ chậm, miligiây - Độ bền kéo, N - Thời hạn sử dụng	Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 5, 9, 17, 42, 100 130 48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói.
19	Kíp điện vi sai Daveydet	
	- Điện trở, Ω - Dòng điện an toàn trong 5 phút, A - Dòng điện bảo đảm nổ, A - Cường độ nổ - Chiều dài dây dẫn điện, m	2,0 ÷ 2,7 0,3 0,55 Số 8 3

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Thời gian vi sai (dẫn cách đều ứng với các số vi sai từ 1 đến 20) - Điều kiện sử dụng - Thời hạn bảo quản, tháng	25; 50;....; 500 Các mỏ hầm lò có khí, bụi nổ 24
20	Kíp nổ vi sai phi điện NONEL MS	
	- Độ dài dây, m - Cường độ nổ - Thời gian vi sai, ms - Tốc độ truyền tín hiệu, m/s - Khả năng chịu kéo, kgN - Điều kiện sử dụng - Thời hạn bảo quản, tháng	4,9; 6,1; 9; 12; 15,2; 18 Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 25 ÷ 500 2.000 100 Khai thác lộ thiên 24
21	Kíp nổ vi sai phi điện NONEL LP	
	- Độ dài dây, m - Cường độ nổ - Thời gian vi sai, ms - Tốc độ truyền tín hiệu, m/s - Khả năng chịu kéo, kgN - Điều kiện sử dụng - Thời hạn bảo quản, tháng	3; 4,9; 6 Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 17 ÷ 9.600 2.000 100 Khai thác lộ thiên 24
22	Kíp nổ vi sai phi điện NONEL - EZDET	
	- Độ dài dây, m - Cường độ nổ - Thời gian vi sai, ms - Tốc độ truyền tín hiệu, m/s - Khả năng chịu kéo, kgN - Điều kiện sử dụng - Thời hạn bảo quản, tháng	9,1 ÷ 24 Xuyên thùng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 17/350 - 100/350 2.000 100 Khai thác lộ thiên 24
23	Kíp nổ vi sai phi điện NONEL-EZTL	
	- Độ dài dây, m	6,1 ÷ 15

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Cường độ nổ - Thời gian vi sai, <i>ms</i> - Tốc độ truyền tín hiệu, <i>m/s</i> - Khả năng chịu kéo, <i>kgN</i> - Điều kiện sử dụng - Thời hạn bảo quản, <i>tháng</i>	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 17 ÷ 100 2.000 100 Công trình ngầm không có khí và bụi nổ 24
24	Kíp nổ chậm -Primadet LLHD	
	- Cường độ nổ - Độ bền kéo, <i>N</i> - Chiều dài tiêu chuẩn, <i>m</i> - Số nổ chậm - Thời hạn sử dụng, <i>tháng</i>	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp 180 9, 12, 15, 18, 24, 30, 36, 45, 60 1 - 30 48 - đủ bao gói; 12 - mở bao gói
25	Dây dẫn tín hiệu Conectadets	
	- Độ bền kéo, <i>N</i> - Độ dài tiêu chuẩn - Thuốc nạp khởi nổ - Đường kính ngoài, <i>mm</i>	570 3,6; 4,9; 6,1; 9,0; 12; 15; 18 190 mg (Azit chì) 3
26	Dây tín hiệu sơ cấp (LIL)	
	- Tốc độ chuyển tín hiệu, <i>km/giây</i> - Thời hạn sử dụng, <i>tháng</i>	2,0 24
27	Dây nổ Riocord loại 6 gam/mét	
	- Mật độ lõi thuốc, <i>g/m</i> - Đường kính, <i>mm</i> - Cường độ kháng kéo, <i>kg/cm²</i>	6 3,6 60
28	Dây nổ Riocord loại 100 gam/mét	
	- Mật độ lõi thuốc, <i>g/m</i> - Đường kính, <i>mm</i> - Cường độ kháng kéo, <i>kg/cm²</i>	100 11,2 100
29	Dây nổ chịu nước	
	- Tốc độ nổ, <i>km/giây</i>	6,5

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật
	- Độ bền kéo, <i>N</i> - Mật độ thuốc, <i>g/cm</i> - Khả năng chịu nước, <i>giờ</i>	500 11 24
30	Dây nổ Corrtex	
	- Tốc độ nổ, <i>km/giây</i> - Độ dẫn tối thiểu, % - Độ bền kéo, <i>N</i> - Thời hạn sử dụng, <i>tháng</i>	6,5 8 700 60
III	Thuốc nổ đơn chất	
1	Hexogen (G, DX, T4, Cyclonite, Trimethylen -trinitrmin)	- $C_3H_6N_6O_6$ - $C_6H_2N_6N_3(NO_2)_3$
2	Pentrit (Pentaerythrol-tetranitrate, Tetranitro pentaeritrit, Corpent, PENT hoặc TEN)	- $C(CH_2ONO_2)_4$ - $C_5H_8(ONO_2)$
3	Octogen (HMX - Cyclotetramethylene tetratramine, Homocyclonit)	- $C_4H_8N_8O_8$
4	Trinitrotoluen (TNT)	- $C_7H_5NO_2$
IV	Vật liệu nổ công nghiệp phục vụ khai thác dầu khí	Theo bản đăng ký của nhà nhập khẩu, phân phối

Phụ lục II
DANH MỤC TIỀN CHẤT THUỐC NỔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

TT	Tên tiền chất thuốc nổ	Công thức phân tử	Mã CAS
1	Amoni Nitrat $\geq 98,5\%$	NH_4NO_3	6484-52-2
2	Nitrometan	CH_3NO_2	72-52-5
3	Natri Nitrat $\geq 98,5\%$	NaNO_3	7631-99-4
4	Kali Nitrat $\geq 98,5\%$	KNO_3	7757-79-1
5	Natri Clorat	NaClO_3	775-09-9
6	Kali Clorat	KClO_3	3811-04-9
7	Kali Perclorat	KClO_4	7778-74-7

Date	Description	Amount	Total
1-1-19	Cash on hand	100.00	100.00
1-2-19	Cash on hand	100.00	200.00
1-3-19	Cash on hand	100.00	300.00
1-4-19	Cash on hand	100.00	400.00
1-5-19	Cash on hand	100.00	500.00
1-6-19	Cash on hand	100.00	600.00
1-7-19	Cash on hand	100.00	700.00
1-8-19	Cash on hand	100.00	800.00
1-9-19	Cash on hand	100.00	900.00
1-10-19	Cash on hand	100.00	1000.00

Phụ lục III
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ, GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT
ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

Mẫu 1. Giấy đề nghị

.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày
tháng ... năm 20 ...

Đề nghị cấp:⁽³⁾

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét và cấp⁽³⁾ cho
doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và
công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

.....⁽⁵⁾
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính;
- (3) Tên Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ);
- (4) Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....
.....⁽²⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20.../.....⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT⁽⁵⁾.....
.....⁽⁶⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số/2018/TT-BCT ngày ... tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁷⁾.....;

Xét đề nghị của⁽⁸⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁹⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chứng nhận đây chuyên sản xuất⁽⁵⁾..... của
.....⁽⁸⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do
.....⁽¹⁰⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm;

Trụ sở tại:⁽¹¹⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Đủ điều kiện sản xuất⁽⁵⁾.....

Điều 2. Điều kiện sản xuất

- Địa điểm sản xuất:.....;

- Loại⁽⁵⁾.....;

- Công suất:;

- Điều kiện khác:

Điều 3.⁽⁸⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;⁽¹²⁾..... và những quy định pháp luật liên quan; bảo đảm an toàn và trật tự an ninh xã hội./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

-⁽¹⁴⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁵⁾.....,

.....⁽¹³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Loại hàng hóa sản xuất (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
- (6) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (7) - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp giấy phép;
- (8) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (9) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (10) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (11) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (12) - Tên các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (13) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (14) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (15) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (297mm x 210mm)

Nền màu xanh côm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 3. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾
.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20.../.....⁽³⁾

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KINH DOANH⁽⁵⁾
.....⁽⁶⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số/2018/TT-BCT ngày ... tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁷⁾;

Xét đề nghị của⁽⁸⁾;

Theo đề nghị của⁽⁹⁾;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép⁽⁸⁾;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽¹⁰⁾ cấp ngày ... tháng ... năm;

Trụ sở tại:⁽¹¹⁾;

Điện thoại: ; Fax:;

Được kinh doanh⁽⁵⁾

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

1. Chủng loại, tên⁽⁵⁾ (phụ lục kèm theo)

2. Các đơn vị trực thuộc tổ chức xin cấp phép (phụ lục kèm theo);

3. Các điều kiện khác (phạm vi, các hạn chế về kinh doanh...).

Điều 3.

.....⁽⁸⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;⁽¹²⁾ và những quy định pháp luật liên quan; đảm bảo an toàn và trật tự an ninh xã hội./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

-⁽¹⁴⁾;

- Lưu:⁽¹⁵⁾

.....⁽¹³⁾
.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Tên hàng hóa được phép kinh doanh (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp);
- (6) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (7) - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp giấy phép;
- (8) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (9) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (10) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (11) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (12) - Tên các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (13) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (14) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (15) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (297mm x 210mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 4. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾
.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20..../⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP⁽⁵⁾.....
.....⁽⁶⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số/2018/TT-BCT ngày ... tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁷⁾.....;

Xét đề nghị của⁽⁸⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁹⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép⁽⁵⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽¹⁰⁾..... cấp
ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽¹¹⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được⁽⁵⁾.....

Điều 2. Điều kiện⁽⁵⁾.....

1. Chủng loại, số lượng.....⁽¹²⁾..... (phụ lục kèm theo);

2. Các đơn vị trực thuộc tổ chức xin cấp phép (phụ lục kèm theo);

3. Tên cửa khẩu⁽⁵⁾..... :;

4. Phương tiện vận chuyển:;

5. Thời gian: từ ngày đến ngày tháng năm 20....

Điều 3.

.....⁽⁸⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;⁽¹³⁾..... và những quy định pháp luật liên quan; đảm bảo an toàn và trật tự an ninh xã hội./

Nơi nhận:

- Như điều 1;

-⁽¹⁵⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁶⁾.....,

.....⁽¹³⁴⁾.....
.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Tên loại hình hoạt động (Ví dụ: Xuất khẩu hoặc nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, nhập khẩu hoặc nhập khẩu tiền chất thuốc nổ);
- (6) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (7) - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp giấy phép;
- (8) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (9) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (10) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (11) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (12) - Loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp);
- (13) - Tên các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (14) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (15) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (16) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (297mm x 210mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 5. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾
.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20..../⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

.....⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số .../2018/TT-BCT ngày ... tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁶⁾.....;

Xét đề nghị của⁽⁷⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁸⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép⁽⁷⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽⁹⁾..... cấp
ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽¹⁰⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để⁽¹¹⁾.....

Điều 2. Điều kiện sử dụng

1. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

2. Chủng loại vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng:

3. Số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng:

4. Điều kiện khác: Lượng thuốc nổ trong một lần sử dụng, phương pháp điều khiển nổ, khoảng cách an toàn, thời điểm nổ mìn vv...).

5.⁽⁷⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;⁽¹²⁾..... và những quy định pháp luật liên quan; đảm bảo an toàn và trật tự an ninh xã hội.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày tháng ... năm 20..../.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

-⁽¹⁴⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁵⁾.....,

.....⁽¹³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (6) - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp giấy phép;
- (7) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (8) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (9) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (10) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (11) - Mục đích sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để: Khai thác, xây dựng công trình, thử nghiệm;
- (12) - Tên các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (13) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (14) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (15) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (297mm x 210mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

.....⁽¹⁾.....
.....⁽²⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20....../.....⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP DỊCH VỤ NỔ MÌN

.....⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Thông tư số/2018/TT-BCT ngày ... tháng 5 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ⁽⁶⁾.....;

Xét đề nghị của⁽⁷⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁸⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép⁽⁷⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽⁹⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽¹⁰⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 2. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạm vi hoạt động:.....;

2. Điều kiện khác:

3.⁽⁷⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;⁽¹¹⁾..... và những quy định pháp luật liên quan; đảm bảo an toàn và trật tự an ninh xã hội; thực hiện thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi thực hiện các hoạt động theo giấy phép.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày tháng ... năm .../.

Nơi nhận:

- Như điều 1;

-⁽¹³⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁴⁾.....,

.....⁽¹²⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (6) - Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp giấy phép;
- (7) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (8) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (9) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (10) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (11) - Tên các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (12) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (13) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (14) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (297mm x 210mm)

Nền màu xanh cổm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Phụ lục IV
MẪU THÔNG BÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi:⁽²⁾

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số/2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ,⁽¹⁾ thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....
.....
2. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:
3. Phương pháp nổ mìn:
.....
4. Quy mô nổ mìn:
.....
5. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):
.....
6. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:
.....
7. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn:
.....
8. Hồ sơ kèm theo:
 - Bản sao Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc Giấy phép dịch vụ nổ mìn;
 - Bản sao phương án nổ mìn;

- Danh sách người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương...;
-⁽⁴⁾.....;
- Lưu:⁽⁵⁾.....,

.....⁽³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾- Tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- ⁽³⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁴⁾- Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁵⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Phụ lục V
NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ RỦI RO VỀ AN TOÀN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

1. Mục đích

- a) Nhận diện các mối nguy hiểm;
- b) Đánh giá rủi ro trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

2. Phạm vi công việc: Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu rủi ro.

3. Tài liệu liên quan

4. Từ viết tắt thông dụng, các thuật ngữ

5. Xác định mối nguy

Xác định tất cả các loại nguy hiểm (yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại), nguồn gốc và nguyên nhân gây ra các nguy hiểm đó cũng như hậu quả có thể xảy ra của nó đối với con người tại tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp cũng như khách đến thăm có thể gặp phải.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến nơi làm việc (bao gồm cả các nhà thầu phụ và khách tham quan);
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của tổ chức tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;
- e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc do tổ chức hay người khác cung cấp;
- g) Các thay đổi hay đề xuất thay đổi trong tổ chức, đối với các hoạt động, hay vật tư;
- h) Các điều chỉnh đối với hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường bao gồm các thay đổi mang tính tạm thời và ảnh hưởng của chúng đối với việc điều hành, các quá trình và các hoạt động;
- k) Việc thiết kế khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, máy, thiết bị, các thủ tục điều hành và tổ chức công việc, bao gồm việc thích ứng với khả năng của con người.

6. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác..., không phải là giải pháp mà người đánh giá đặt ra trong quá trình đánh giá.

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và càng cụ thể càng tốt. Cũng cần xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của các mối nguy hiểm đã được xác định

Hậu quả là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn/sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

Hậu quả	Mô tả
Nhẹ	<i>Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)</i>
Bình thường	<i>Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)</i>
Nặng	<i>Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cụt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)</i>

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
A	Thâm khốc	Tử vong
B	Cao	Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn
C	Trung bình	Cần điều trị y tế, mất ngày công
D	Nhẹ	Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc)
E	Không đáng kể	Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc)

c) Xác định khả năng xuất hiện của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm, cần thiết phải xác định khả năng xuất hiện (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: ít, thỉnh thoảng, hay xảy ra.

Khả năng xảy ra	Mô tả
Ít	Ít có khả năng xuất hiện
Thỉnh thoảng	Có thể hoặc đã biết xuất hiện
Hay xảy ra	Xuất hiện thông thường hoặc lặp lại

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
Gần như chắc chắn	Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm	Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự.
Có khả năng xảy ra	Một lần trong 5 năm	Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc.
Có thể xảy ra	Một lần trong 10 năm	Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc.
Ít khi xảy ra	Một lần trong 15 năm	Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một số lớn các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/100 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/10 000 người thực hiện công việc.

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
Hiếm khi xảy ra	Không trông đợi có thể xảy ra trong vòng đời của hoạt động	Không chắc có thể xảy ra trong vòng đời của một cá thể hoặc hệ thống mà nó chỉ có thể bằng cách giả định chứ không phải bằng trải nghiệm. Hiếm khi xảy ra trong đời của một số lớn thành phần tương tự.

d) *Đánh giá mức rủi ro dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra. Lựa chọn ma trận rủi ro*

Sau khi xác định các biện pháp kiểm soát mỗi nguy hiểm có sẵn, khả năng xảy ra và hậu quả của mỗi nguy hiểm, việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng ma trận rủi ro.

Mức rủi ro được phân loại thành thấp, trung bình và cao và tùy thuộc vào sự kết hợp giữa hậu quả và khả năng xảy ra.

Ví dụ về ma trận xác định mức rủi ro 3x3

Khả năng xảy ra Hậu quả	Ít	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
	Ít	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Nặng	Trung bình	Cao	Cao
Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
Nhẹ	Thấp	Thấp	Trung bình

Ví dụ ma trận xác định mức rủi ro 5x 5:

Ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân loại rủi ro trong đánh giá này được trình bày như trong hình dưới đây.

	E	D	C	B	A
Gần như chắc chắn (1)	15	10			
Có khả năng xảy ra (2)	19	14	9		
Có thể xảy ra (3)	22	18	13		
Ít khi xảy ra (4)	24	21	17	12	
Hiếm khi xảy ra (5)	25	23	20	16	11

Rủi ro cực cao

Rủi ro cao

Rủi ro trung bình

Rủi ro thấp

- Vùng màu xanh là vùng rủi ro thấp, trung bình - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính rơi vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu vàng là vùng rủi ro phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính rơi vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế.

- Vùng màu đỏ là vùng rủi ro cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính rơi vào vùng này thì phải bằng mọi giá áp dụng thêm các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

7. Giải pháp kiểm soát rủi ro

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự quy định nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được trong thực tế (ALARP) hoặc mức độ có thể chấp nhận được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

- a) Loại bỏ từ nguồn;
- b) Thay thế;
- c) Giảm thiểu rủi ro;
- d) Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;

- đ) Kiểm soát hành chính;
- e) Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có hỏng hóc.

8. Kết luận và kiến nghị

Phụ lục VI

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NỔ Mìn

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Trích dẫn các Quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết kế xây dựng, khai thác... làm căn cứ để lập phương án;
- Quy mô xây dựng hoặc khai thác; tiến độ hoặc năng suất khai thác ngày, tháng, quý, năm;
- Sơ lược về phương pháp xây dựng, khai thác; thiết bị, nhân công;
- Giải thích từ ngữ, các cụm từ viết tắt (nếu có).

II. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC NỔ Mìn

- Vị trí khu vực nổ mìn, cao độ, giới hạn toạ độ kèm theo bản đồ địa hình;
- Mô tả về đặc điểm dân cư, công trình, nhà không thuộc quyền sở hữu của tổ chức sử dụng VLNCN trong phạm vi bán kính 1000 m kể từ vị trí nổ mìn (kể cả các công trình ngầm);
- Đặc điểm đất đá khu vực nổ mìn (các đặc tính cơ lý σ_n , σ_k , f) hoặc điều kiện địa chất, môi trường khác (nước, bùn...);
- Hướng, trình tự khai thác, thay đổi về điều kiện địa chất, địa hình theo chu kỳ khai thác và ảnh hưởng có thể có đến công tác nổ mìn; ảnh hưởng đến các công trình, nhà dân xung quanh.

III. TÍNH TOÁN, LỰA CHỌN CÁC THÔNG SỐ KHOAN NỔ Mìn

- Lựa chọn đường kính lỗ khoan, chiều cao tầng H (nếu đào hầm lò thì lựa chọn chiều dài một bước đào), đường căn chân tầng;
- Lựa chọn chiều sâu lỗ khoan;
- Lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ tính toán;
- Lựa chọn phương pháp nổ mìn;
- Lựa chọn vật liệu nổ công nghiệp;
- Khối lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất;
- Xác định các thông số khoảng cách lỗ, góc nghiêng lỗ khoan;
- Xác định lượng thuốc nạp cho một lỗ khoan tương ứng với chiều sâu lỗ khoan bảo đảm điều kiện an toàn về bụi;
- Lựa chọn cấu trúc cột thuốc nổ trong lỗ khoan;
- Tính toán, lựa chọn thông số khoan nổ mìn tạo biên (nếu có);

- Tính toán về an toàn (chấn động, sóng không khí và đá văng) xác định quy mô một lần nổ (kg);

- Lựa chọn khoảng cách an toàn cho người, thiết bị;

- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng tháng.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI NỔ Mìn

- Biện pháp an toàn khi bốc dỡ, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

- Biện pháp an toàn khi nạp mìn;

- Biện pháp che chắn bảo vệ chống đá văng (nếu có);

- Quy định các tín hiệu cảnh báo an toàn và giờ giấc nổ mìn;

- Quy định về gác mìn;

- Biện pháp kiểm tra sau nổ và xử lý mìn câm;

- Các quy định bổ sung về biện pháp xử lý, ứng phó khi gặp sự cố về thời tiết, cản trở khác trong các khâu khoan, nạp...;

- Các hướng dẫn khác để tăng cường an ninh, an toàn (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trình tự thực hiện, thủ tục kiểm soát các bước;

- Quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng nhóm trong các khâu khoan, nạp, nổ và xử lý sau khi nổ mìn;

- Các quy định về báo cáo, ghi chép các sự kiện bất thường nhưng chưa đến mức xảy ra sự cố trong đợt nổ mìn; các ghi chép về sự cố nếu có (các nội dung này ghi ở phần kết quả nổ mìn trong hồ chiếu);

- Các quy định kỷ luật nội bộ khi có vi phạm;

- Hiệu lực của Phương án và ngày sửa đổi, bổ sung;

- Tên người lập phương án, người duyệt; cơ quan phê duyệt (nếu có).

Ghi chú: Phương án nổ mìn các dạng đặc biệt khác (dưới nước, phá dỡ công trình, nổ trong giếng khoan... được lập với các phần như trên nhưng thay đổi về nội dung cho phù hợp).

PHÊ DUYỆT

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN

(Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật)

(Chỉ huy nổ mìn hoặc chỉ huy công trường...)

Phụ lục VII
MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

Mẫu 1. Mẫu hộ chiếu nổ mìn mỏ lộ thiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị:.....

HỘ CHIẾU NỔ MÌN MỎ LỘ THIÊN

Số :...../...../ 20....../ HCM

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:

II. THỜI ĐIỂM NỔ: Nổ mìn vào hồi :h..... phút ngày.....tháng.....năm 20.....

III. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại :

Độ cứng: $f =$

IV. THÔNG SỐ BÃI NỔ:

Từ lỗ số đến lỗ số	H (mét)	D_{LK} (mm)	L_K (mét)	Khoảng cách (mét)			Tổng số lỗ	Chiều cao cột búa thiết kế L_{Bua} (mét)	Tổng số mét khoan của lỗ có đường kính (mét)
				a	b	W			

V. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT:

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (q_{tt} ; kg/m^3).....
- Chỉ tiêu thuốc nổ tính toán (q_{TT} ; kg/m^3) với đường kính lỗ khoan:.....
- Suất phá đá (N ; m^3/m khoan sâu) với đường kính lỗ khoan:.....

- Vật liệu nổ yêu cầu của bãi nổ:.....

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU

**NGƯỜI CHỈ HUY
NỔ MÌN**

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ DUYỆT

VI. PHẦN TÍNH TOÁN VÀ LƯỢNG VLNCN SỬ DỤNG THỰC TẾ: Nếu bãi nổ có đường kính lỗ khoan ($D_K \geq 65 \text{ mm}$) với số lỗ khoan vượt quá số dòng trong trang này thì được nối thêm các dòng để thể hiện chi tiết sự nạp thuốc của từng lỗ; nếu đường kính ($D_K < 65 \text{ mm}$) với các thông số D_K , H , a , b , W như nhau thì cho phép tính lượng thuốc nổ một lỗ đại diện có, nếu thực hiện nổ mìn ốp phải thể hiện thể tích, lượng hòn đá và tính toán lượng thuốc nổ, phụ kiện nổ cho từng hòn đá phải nổ ốp.

[illegible]

-
-
-
-

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn.....
- Tín hiệu khởi nổ
- Tín hiệu báo yên.....

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ.....	(mét)
- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ.....	(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: R(Người)	(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị : R(TB)	(mét)

Thực tế tiêu thụ	Thừa trả về kho
Thuốc nổ:	Thuốc nổ:
Phụ kiện nổ:	Phụ kiện nổ:
	Chỉ huy thi công nổ ký xác nhận:

[illegible]

XII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẦN NẬP, DI CHUYỂN MÁY: (Phải thể hiện; các khoảng cách từ trạm gác, các công trình, nằm trong vùng nguy hiểm và vị trí điểm hòa tới bãi nổ, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm. Bảo đảm người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ 20 phút).

XIII. PHÂN CÔNG GÁC Mìn:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận

XIV. KẾT QUẢ NỔ Mìn: (Chỉ huy nổ mìn sau khi kiểm tra bãi nổ phải ghi lại kết quả sau khi nổ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Vụ nổ kết thúc vào lúc ngày..... tháng..... năm 20.....

PHỤ TRÁCH AN TOÀN BÃI NỔ **CHỈ HUY NỔ Mìn**

Ghi chú: Mẫu hộ chiếu nổ mìn lộ thiên có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế nổ mìn nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo mẫu 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này

Mẫu 2. Mẫu hộ chiếu nổ mìn mỏ hầm lò/lò đá

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ MÌN MỎ HẦM LÒ

Số:...../...../ 20.....

I. VỊ TRÍ NỔ:.....

Ngày.....tháng năm 20..... Ca.....

II. CHỈ TIÊU THUỐC NỔ:

- Đất đá loại.....độ cứng f=.....
- Tiết diện gương hầm/lò (giếng).....
- Tổng số lỗ khoan với đường kính $\phi =$ mm
- Tổng số mét khoan
- Khoảng cách lỗ khoan (mét);
- + =
- + =
- + =
- + =
- Chiều sâu lỗ khoan $\Sigma L =$ mét
- Khối lượng đá nổ ra $\Sigma V =$ m³
- Chỉ tiêu thuốc nổ q = kg/m³
- Vật liệu nổ:

Vật liệu nổ yêu cầu cho một bước đào	Vật liệu nổ yêu cầu trong ca
+ Thuốc nổ:	+ Thuốc nổ;
+ DCC, dây nổ:	+ DCC, dây nổ:
+ Kíp nổ đốt:	+ Kíp nổ đốt:
+ Kíp nổ điện:	+ Kíp nổ điện:
+ Kíp vi sai:	+ Kíp vi sai:
+ Kíp phi điện:	+ Kíp phi điện:

III. ĐẶC TÍNH LỖ MÌN

Nhóm lỗ khoan	Số lỗ khoan (lỗ)	Chiều sâu lỗ khoan (m)	Độ nghiêng LK		Lượng thuốc nạp một lỗ		Kíp nổ (cái/lỗ)	Tổng thuốc nổ trong nhóm lỗ khoan		Tổng kíp nổ trong nhóm (cái)	Ghi chú
			Bằng (độ)	Cạnh (độ)	Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		
Đột phá											
Phá											
Biên											
Nền											
Trống											
Khởi nổ											

NGƯỜI LẬP HỘ CHIẾU

CHỈ HUY NỔ MÌN KÝ

PHU TRÁCH ĐƠN VỊ DUYỆT

IV. SƠ ĐỒ KẾT CẤU LỖ KHOAN VÀ NẠP MÌN

V. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu thi công mìn.....
- Tín hiệu nổ mìn
- Tín hiệu báo yên.....

VI. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận

VII. THUỐC NỔ VÀ PHỤ KIỆN

YÊU CẦU	THỪA TRẢ VỀ KHO
<u>Thuốc nổ:</u>	<u>Thuốc nổ:</u>
<u>Phụ kiện nổ:</u>	<u>Phụ kiện nổ:</u>

VIII. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN.

- Trước khi khoan chỉ huy nổ mìn phải giao cho thợ khoan sơ đồ khoan thể hiện các thông số của gương hầm/lò (gồm: vị trí lỗ khoan; chiều sâu lỗ khoan; góc nghiêng lỗ khoan).
- Kiểm tra trình trạng các vị chống, tình trạng gương của đường hầm/lò ca trước để lại, nếu bảo đảm an toàn mới được tiến hành khoan.
- Kiểm tra thực tế góc cắm, điều kiện thay đổi địa chất đất đá của gương khoan, nếu có các thay đổi bất thường thì phải điều chỉnh ngay vị trí và hướng lỗ khoan nhằm phù hợp với điều kiện thực tế.
- Kiểm tra chiều sâu lỗ khoan, tính thông suốt của lỗ khoan, góc nghiêng lỗ khoan, khoảng cách lỗ khoan xem có đúng với hộ chiếu đã lập chưa nếu có sai lệch về chiều sâu, góc nghiêng, khoảng cách thì phải điều chỉnh sửa đổi ngay.
- Các kíp nổ phải để trong hộp có đánh dấu rõ ràng.

- Trước khi tiến hành nạp mìn phải phổ biến cách nạp thuốc và kíp vào từng lỗ mìn trên gương hầm/lò theo đúng theo yêu cầu của hộ chiếu. Phải thực hiện kiểm tra chiều dài cột bua sau khi nạp mìn vào lỗ khoan.
- Kiểm tra việc đầu nối bảo đảm quy định.
- Bố trí canh gác theo đúng sơ đồ gác mìn, bảo đảm không có người trong lò và không có người ở cửa hầm/lò trong phạm vi 300m đối diện với cửa hầm/lò.
- Phải kiểm tra lại toàn bộ các trạm gác nếu bảo đảm tuyệt đối an toàn mới phát lệnh nổ mìn.
- Khi nổ xong phải tiến hành thông gió 20 phút, tốc độ gió sạch đạt 03mét/giây mới được vào kiểm tra.
- Phải kiểm tra mức độ chắc chắn của các vì chống, trình trạng nóc lò nếu bảo đảm an toàn mới được vào kiểm tra gương lò vừa nổ. Phát hiện những bất thường ở gương hầm/lò vừa nổ, nếu có mìn câm phải cho xử lý ngay theo quy định.
- Kiểm tra nổ sau khi nổ mìn, nếu bảo đảm an toàn thì mới được phát lệnh báo yên.
- Phải kiểm tra lại tình trạng các vì chống trước khi bốc xúc đất đá.

IX. CÁC BỔ SUNG NỔ MÌN KHÁC (do Chỉ huy nổ mìn hoặc lãnh đạo công trường bổ sung tại chỗ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

X. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ MÌN, TRẠM GÁC MÌN, NƠI TRÁNH MÌN, VỊ TRÍ KHỎI NỔ:

XI. KẾT QUẢ NỔ MÌN (Chỉ huy nổ mìn phải ghi lại kết quả sau khi nổ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ trách an toàn kỹ

Chỉ huy nổ mìn ký

Mẫu 3. Mẫu hộ chiếu nổ mìn hầm lò/mỏ than

Công ty:.....
Phân xưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU KHOAN NỔ MÌN HẦM LÒ SỐ:

Ca ngày tháng năm ...

I. VỊ TRÍ NỔ MÌN:.....

II. SƠ ĐỒ LỖ KHOAN:

Dựa theo thiết kế, hộ chiếu Số ngày tháng năm

III. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN:

THÔNG SỐ KHOAN NỔ MÌN CHO MỖI ĐỢT NỔ																			Số đợt nổ, số chu kỳ KNM)	Số lần nổ một đợt
Nhóm lỗ khoan	Số hiệu lỗ khoan	Số LK (lỗ)		Chiều sâu LK (m)		Độ nghiêng LK (độ)		Lượng thuốc nạp (kg/lỗ)		Kíp mìn cái/lỗ	Cộng thuốc nổ (kg)		Cộng kíp nổ (cái)		Cấp vi Sai của kíp	Chiều dài bua (m)				
		T.kế	T.tế	T.kế	T.tế	Bằng	Cạnh	T.kế	T.tế		T.kế	T.tế	T.kế	T.tế						
Cộng toàn bộ																				

Loại thuốc nổ sử dụng: Loại kíp vi sai sử dụng:.....

IV. SƠ ĐỒ NẠP THUỐC, ĐẦU KÍP:

V. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ MÌN, TRẠM GÁC MÌN, NƠI TRÁNH MÌN, VỊ TRÍ KHỎI NỔ

VI. PHÂN CÔNG GÁC MÌN:

TRẠM GÁC MÌN	ĐỢT 1		ĐỢT 2		ĐỢT 3		ĐỢT 4	
	Tên người gác	chữ ký	Tên người gác	chữ ký	Tên người gác	chữ ký	Tên người gác	chữ ký

VII. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRƯỚC VÀ SAU KHI NỔ Mìn

VII. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRONG VÀ SAU KHI NỔ Mìn								
Kết quả đo khí trong ca								
Hàm lượng khí (%)	Trước khi nổ mìn				Sau khi nổ mìn			
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4
CH4								
CO2								
CO								
Người đo ký tên								

VIII. TIÊU THỤ VẬT LIỆU NỔ:

Vật liệu nổ	Dự trữ đầu ca	Vật liệu nổ tiêu thụ trong ca					Tồn trữ kho	Chỉ huy nổ mìn ký tên	Thợ mìn ký tên
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Cộng			
Thuốc nổ (kg)									
Kíp mìn (cái)									

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ Mìn

- Tín hiệu thi công mìn:

- Tín hiệu nổ mìn:

- Tín hiệu báo yên:

X. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

- Gương trường căn cứ sơ đồ lỗ khoan do hộ chiếu quy định để thực hiện khoan lỗ mìn theo các thông số yêu cầu. Phải kiểm tra tình trạng gương lò, gậy om, củng cố các vì chống, nếu bảo đảm an toàn mới tiến hành khoan. Khi điều kiện địa chất có sự thay đổi: đất đá bị vò nhàu, xuất hiện mặt trượt, than đá bị đảo vĩa thì có thể điều chỉnh vị trí và hướng lỗ khoan cho phù hợp với điều kiện thực tế. Tại gương phải chuẩn bị đủ các loại chèo khoan, mũi khoan, chèo định vị lỗ khoan, búa khoan...

- Người Chỉ huy nổ mìn phải kiểm tra các thông số của lỗ khoan đã thi công, nếu có thay đổi so với hộ chiếu ban đầu thì phải điều chỉnh lượng vật liệu nổ của từng lỗ mìn cho phù hợp với thực tế, các thay đổi phải được ghi chép vào bảng lý lịch lỗ mìn.

- Phải đi chuyển thiết bị ra nơi an toàn; cắt điện vào gương lò chuẩn bị nổ mìn; tổ chức đo khí, nếu bảo đảm an toàn, hàm lượng khí CH₄ < 1% mới được nạp, nổ mìn.

- Thợ mìn theo các thông số do Chỉ huy nổ mìn ghi trong hộ chiếu nổ mìn để nạp mìn, chú ý bảo quản tem ký hiệu cấp vì sai ở đầu dây của kíp mìn để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu. Yêu cầu thợ mìn phải mang đủ dụng cụ nạp mìn, như: gậy nạp mìn, dùi tra kíp, máy nổ mìn, dây cầu, dây cái đủ quy cách...

- Người Chỉ huy nổ mìn phải bố trí gác mìn, khi đã chắc chắn đuổi hết người trong phạm vi nguy hiểm mới phát tín hiệu bắt đầu nạp mìn; trực tiếp chỉ huy nạp mìn, bảo đảm nạp thuốc đúng thông số của hộ chiếu; kiểm tra việc đấu nối mạng nổ, kiểm tra thông mạch bằng dụng cụ chuyên dùng (nếu có); khi biết chắc chắn mọi người đã vào nơi ẩn nấp an toàn mới cho phát tín hiệu khởi nổ và trao chìa khóa máy nổ mìn cho Thợ mìn khởi nổ.

- Sau khi nổ mìn, phải tiến hành thông gió tích cực từ 20 đến 30 phút, tốc độ gió sạch phải đạt trên 0,3 m/giây; tổ chức đo khí từ ngoài vào, nếu an toàn mới được vào kiểm tra bãi mìn. Chỉ huy nổ mìn phải trực tiếp kiểm tra tình trạng kỹ thuật vì chống, tổ chức gậy om, củng cố lò, tìm kiếm sử lý mìn cầm kíp thời theo quy định khi phát hiện thấy dấu hiệu có mìn

câm, mìn sót sau mỗi đợt nổ. Khi đã bảo đảm an toàn mới cho phát lệnh báo yên để mọi người tiến hành công việc bình thường.

XI. CÁC BỒ SUNG NỔ MÌN KHÁC (do Chỉ huy nổ mìn hoặc Phó quản đốc trực ca bổ sung tại chỗ)

XII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan:

.....
.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

- Chất lượng vụ nổ:
.....
.....

3. Sản lượng, tiến độ do nổ mìn tạo ra:

.....
.....

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ MÌN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TRỰC CA
DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

QUẢN ĐỐC
(Ký xác nhận sau khi nổ mìn và
ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII
KẾ HOẠCH ỨNG CỨU KHẨN CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

1. Mục đích của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

2. Phạm vi của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

3. Phân loại các tình huống khẩn cấp

Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp.

4. Các tình huống khẩn cấp

5. Sơ đồ tổ chức và nguồn lực ứng cứu

a) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

b) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp.

6. Quy trình ứng cứu các tình huống cụ thể

a) Các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người và phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Quy trình ứng cứu sự cố các tình huống cụ thể: An ninh, an toàn, thiên tai.

7. Thông báo, báo cáo

a) Sơ đồ thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài;

b) Liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

b) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan.

8. Báo cáo

a) Quy trình báo cáo;

b) Biểu mẫu báo cáo.

9. Huấn luyện, diễn tập

a) Huấn luyện;

b) Diễn tập.

10. Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố.

11. Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

Phụ lục IX
MẪU BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP,
TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

Mẫu 1: Báo cáo định kỳ của tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ,⁽¹⁾ báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾ từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ: ⁽⁵⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			
1	1										
2	2										
3	3										
4	4										
5	5										
6	6										
7	Toàn kỳ										
8	Toàn năm										

b) Chung loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	1							
2	2							
3	3							
4	4							
5	5							
6	6							
7	Toàn kỳ							
8	Toàn năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

d) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

đ) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁷⁾.....;

- Lưu:⁽⁸⁾.....,

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Loại hình hoạt động (Ví dụ: sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp);
- (5)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (6)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (7)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (8)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 2. Báo cáo định kỳ của tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số/2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ,⁽¹⁾..... là tổ chức⁽⁵⁾..... báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾..... từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chứng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁶⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			
1	1										
2	2										
3	3										
4	4										
5	5										
6	6										
7	Toàn kỳ										
8	Toàn năm										

b) Chứng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	1							
2	2							

3	3							
4	4							
5	5							
6	6							
7	Toàn kỳ							
8	Toàn năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Phương án nổ mìn (nếu có);

d) Hộ chiếu nổ mìn (nếu có);

đ) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

e) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

g) Thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có);

h) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁸⁾.....;

- Lưu:⁽⁹⁾.....,

.....⁽⁷⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Loại hình hoạt động (Ví dụ: sử dụng vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- (5)- Loại hình hoạt động của tổ chức (Ví dụ: khai thác khoáng sản; thi công công trình; sử dụng tiền chất thuốc nổ);
- (6)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (7)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (8)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (9)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 3. Báo cáo định kỳ của Sở Công Thương

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện quy định tại Thông tư số/2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh, thành phố:

a) Số lượng tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (báo cáo chi tiết các đối tượng sử dụng tương ứng với loại hình hoạt động); ⁽³⁾

TT	Loại hình hoạt động của tổ chức	Số lượng tổ chức	Số lượng Giấy phép	Cơ quan cấp phép	
				Cấp Cục	Cấp Sở
1	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản trên đất liền				
2	Thi công công trình				
3	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên biển				
4	Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm				
5	Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho mục đích khác				
6	Sử dụng tiền chất thuốc nổ				

b) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁴⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			Kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			
1	1										
2	2										

3	3										
4	4										
5	5										
6	6										
7	Toàn kỳ										
8	Toàn năm										

c) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH_4NO_3 (Kg)	CH_3NO_2 (Kg)	NaNO_3 (Kg)	KNO_3 (Kg)	NaClO_3 (Kg)	KClO_3 (Kg)	KClO_4 (Kg)
1	1							
2	2							
3	3							
4	4							
5	5							
6	6							
7	Toàn kỳ							
8	Toàn năm							

d) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho).

đ) Kho bảo quản tiền chất thuốc nổ (số lượng kho, tổng công suất kho).

e) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

4. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁶⁾.....;

- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên Sở Công Thương;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3) - Chi tiết các đơn vị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp với các loại hình(Ví dụ: Công ty A, khai thác đá);
- (4) - Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;
- (5) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (6) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (7) - Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

The first part of the paper discusses the importance of the study. It is followed by a review of the literature. The third part of the paper describes the methodology used in the study. The fourth part of the paper presents the results of the study. The fifth part of the paper discusses the implications of the study. The sixth part of the paper concludes the paper.

The first part of the paper discusses the importance of the study. It is followed by a review of the literature. The third part of the paper describes the methodology used in the study. The fourth part of the paper presents the results of the study. The fifth part of the paper discusses the implications of the study. The sixth part of the paper concludes the paper.

The first part of the paper discusses the importance of the study. It is followed by a review of the literature. The third part of the paper describes the methodology used in the study. The fourth part of the paper presents the results of the study. The fifth part of the paper discusses the implications of the study. The sixth part of the paper concludes the paper.

Phụ lục X
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ VÀ ĐƯA
VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP MỚI VÀO DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ
CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG
TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾, ngày tháng ... năm

V/v công nhận kết quả đăng ký
và đưa vào Danh mục vật liệu
nổ công nghiệp được phép sản
xuất, kinh doanh, sử dụng tại
Việt Nam

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2018/TT-BCT ngày tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ,⁽¹⁾ đề nghị Bộ Công Thương công nhận kết quả đăng ký và đưa vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam với nội dung sau:

1. Tên vật liệu nổ công nghiệp:
2. Đặc tính kỹ thuật:
3.⁽³⁾

Nơi nhận:

- Như trên;

-⁽⁵⁾

- Lưu:⁽⁶⁾

.....⁽⁴⁾

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾- Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽³⁾- Tài liệu gửi kèm (Các đặc tính kỹ thuật do tổ chức chứng nhận sự phù hợp cung cấp);
- ⁽⁴⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁵⁾- Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁶⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.